



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Quản lý tài sản T-CORP

Ngày 30/09/2025	10,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.5%	18.5%	18.5%

DT thuần Q3/25
21.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.9 -48.5%
YoY: ▼26.3 -55.5%

LN thuần Q3/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼54.9 -81.9%
YoY: ▼118 -90.7%

LN sau thuế Q3/25
11.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼67.4 -85.1%
YoY: ▼113 -90.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
73.0%
YoY: +/-▼ 102%

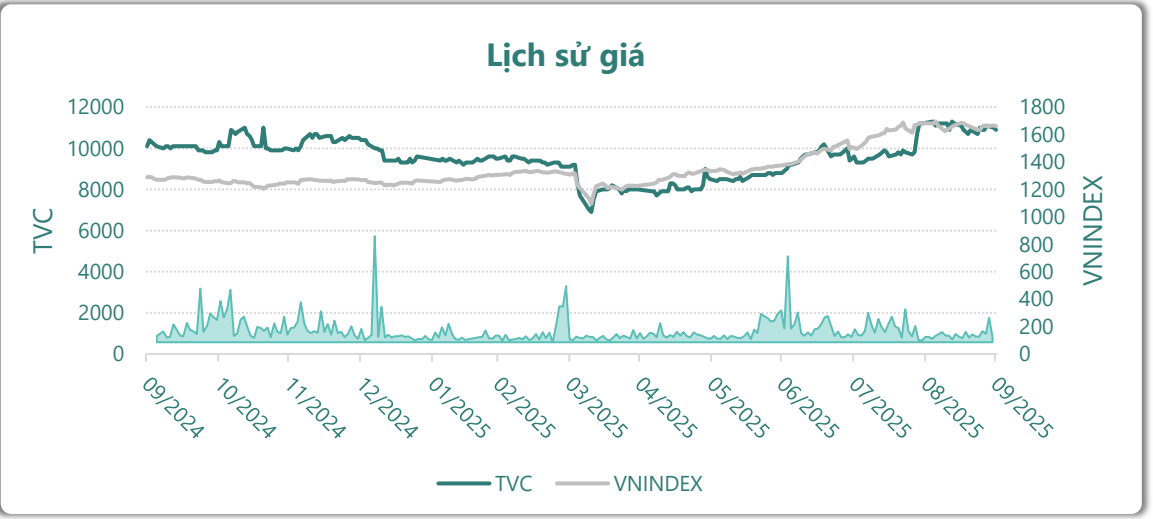
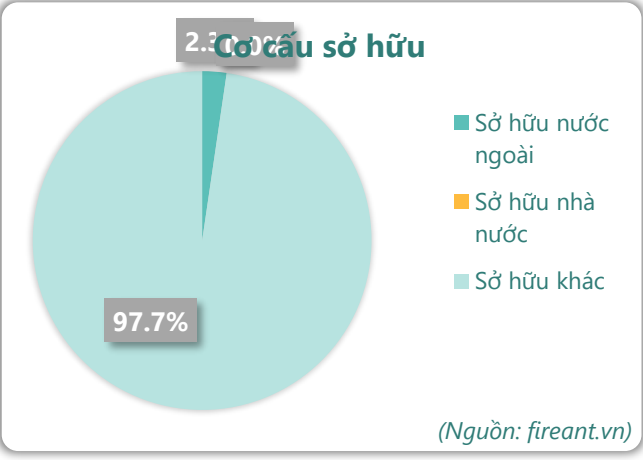
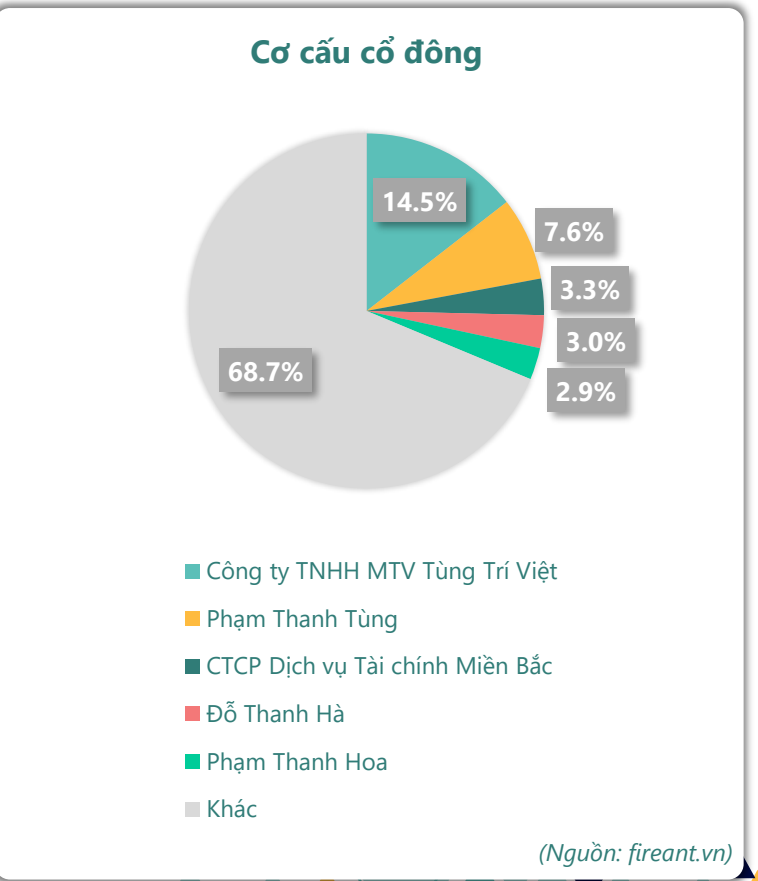
ROE (TTM) Q3/25
0.7%
YoY: +/-▼ 5.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,206
Số lượng CPLH (CP)	110,610,670
KLGD BQ 20 phiên (CP)	687,620
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.98
EPS	124
P/E	88.2

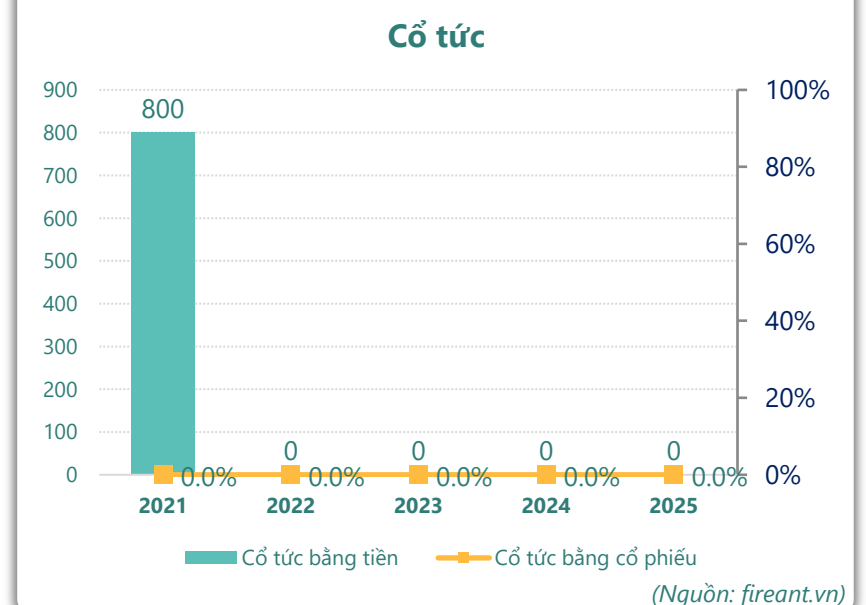
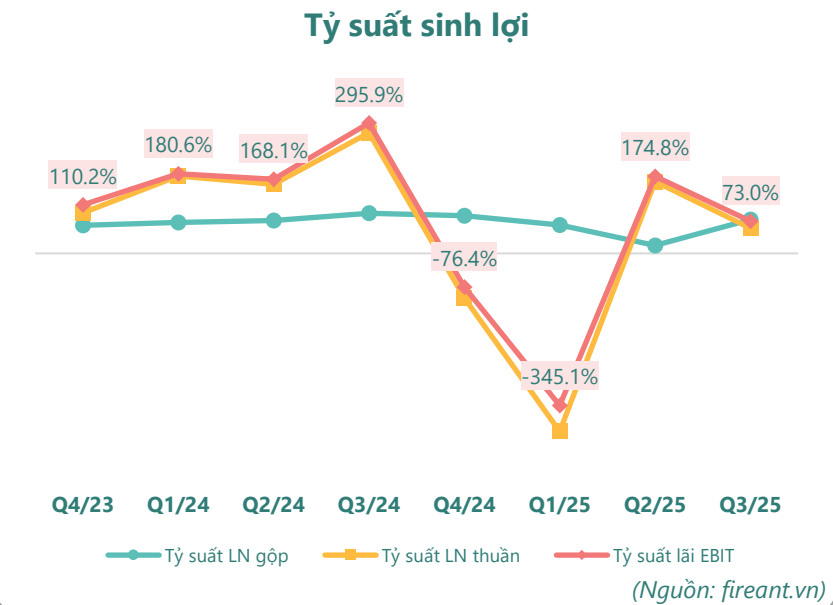
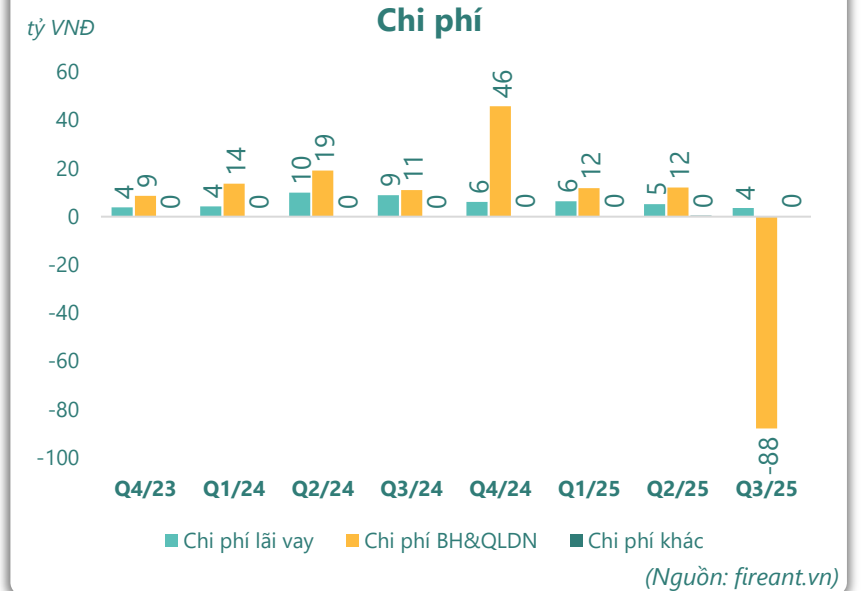
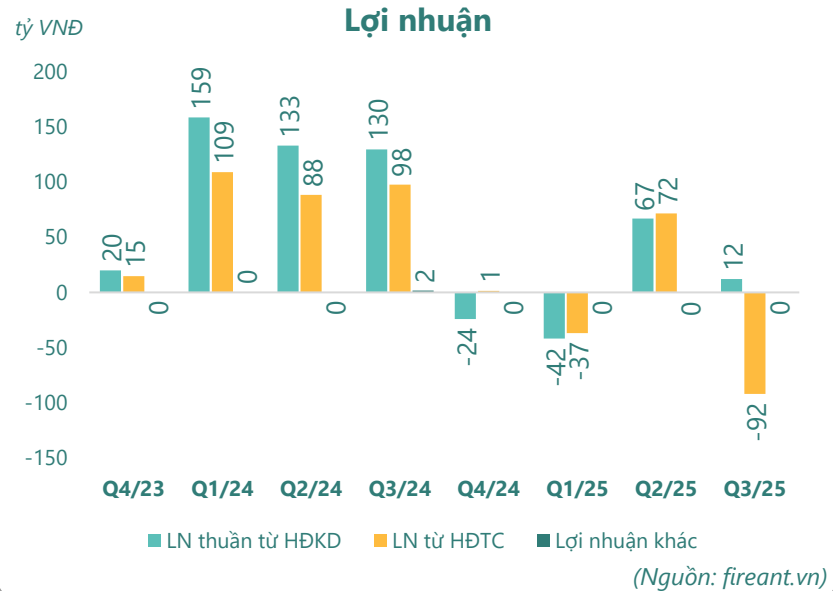
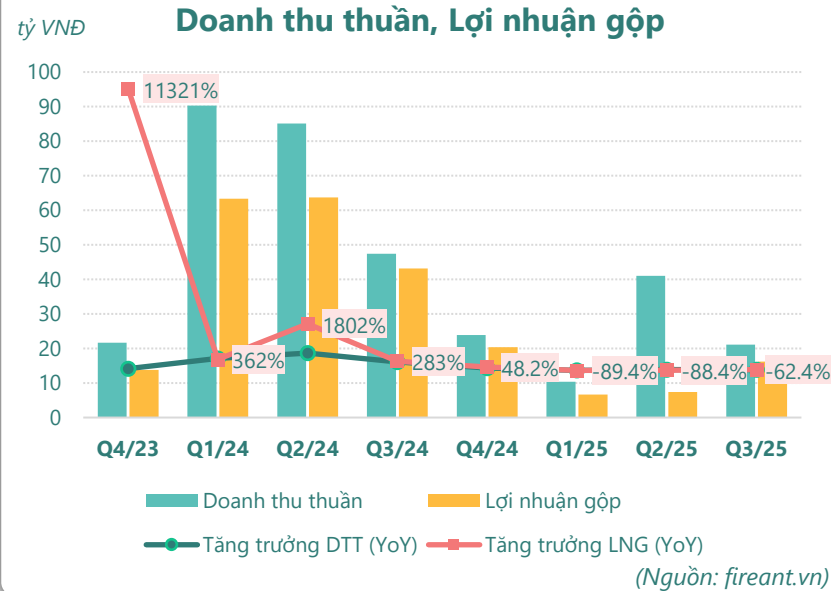
DT thuần 9T 2025
72.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼151 -67.4%

LN thuần 9T 2025
37.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼385 -91.2%

LN sau thuế 9T 2025
48.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼362 -88.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH



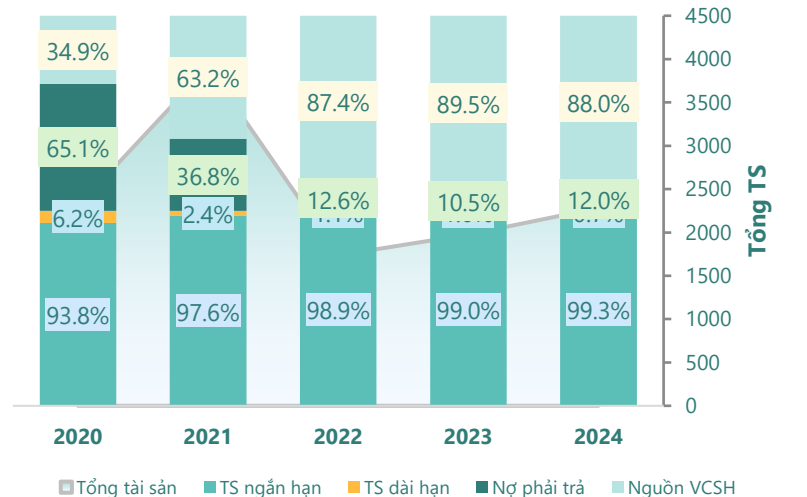


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

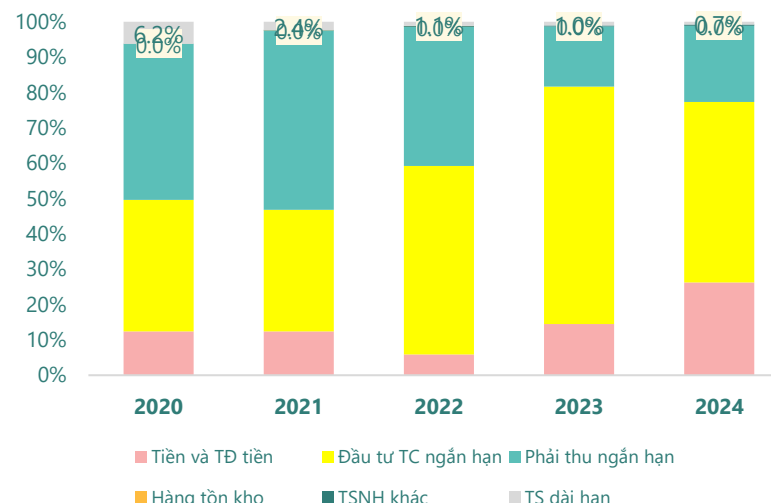
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

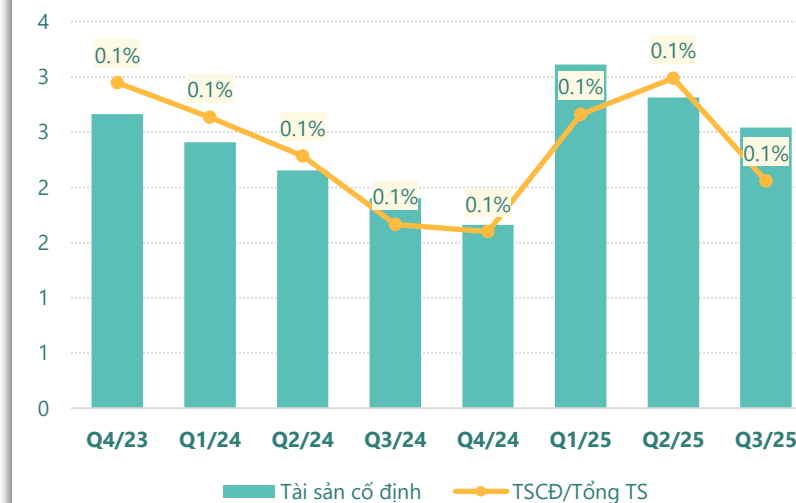
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

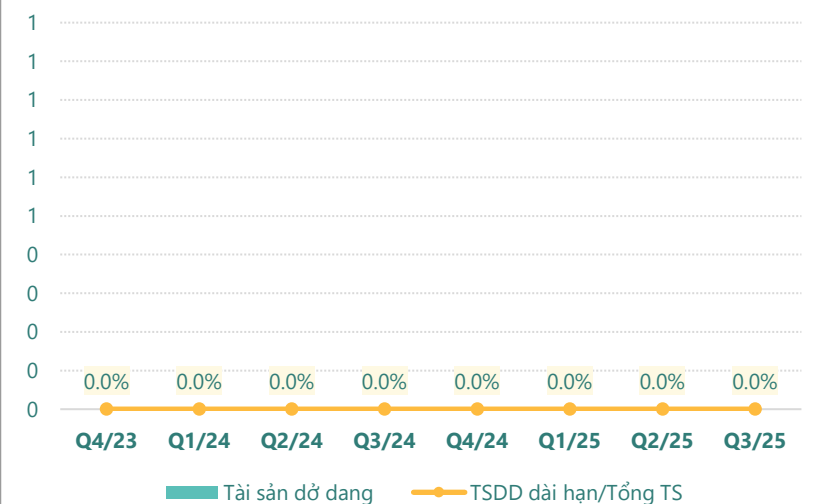
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

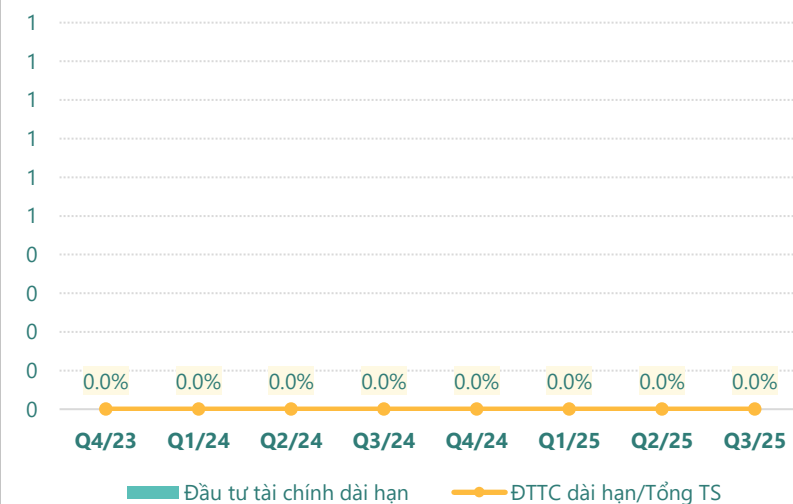
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

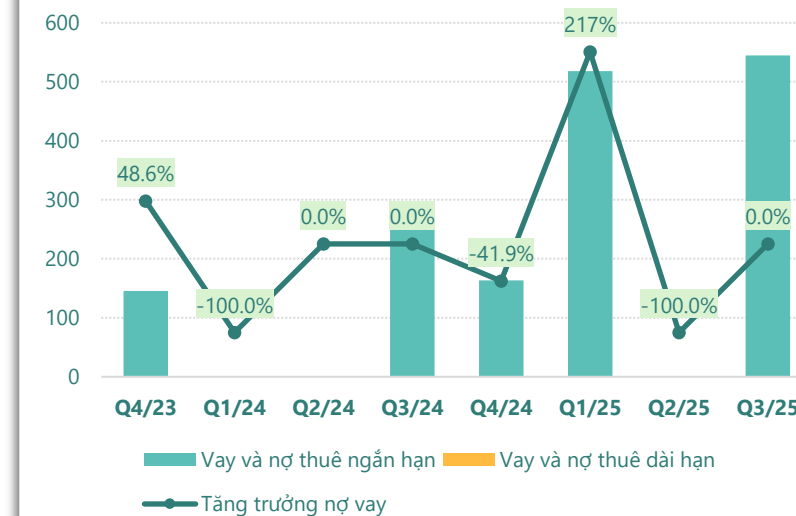
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

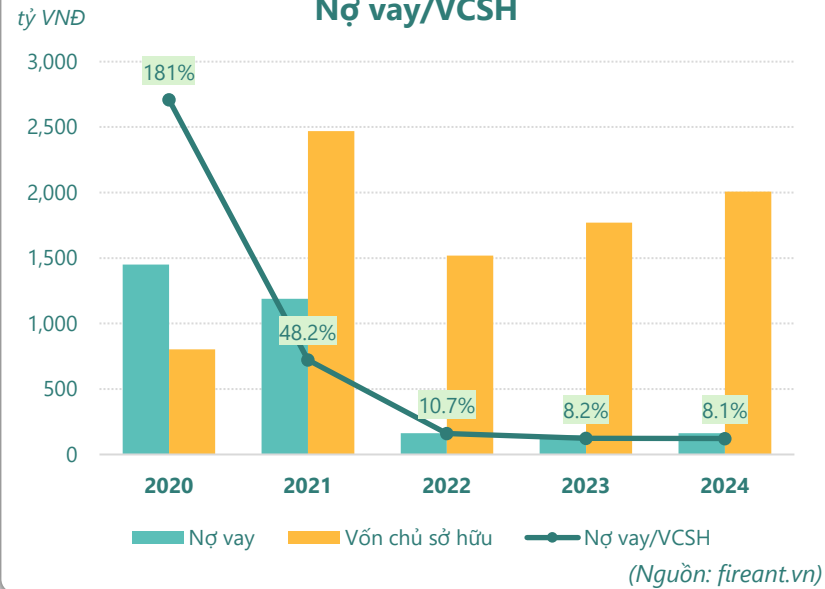


(Nguồn: fireant.vn)

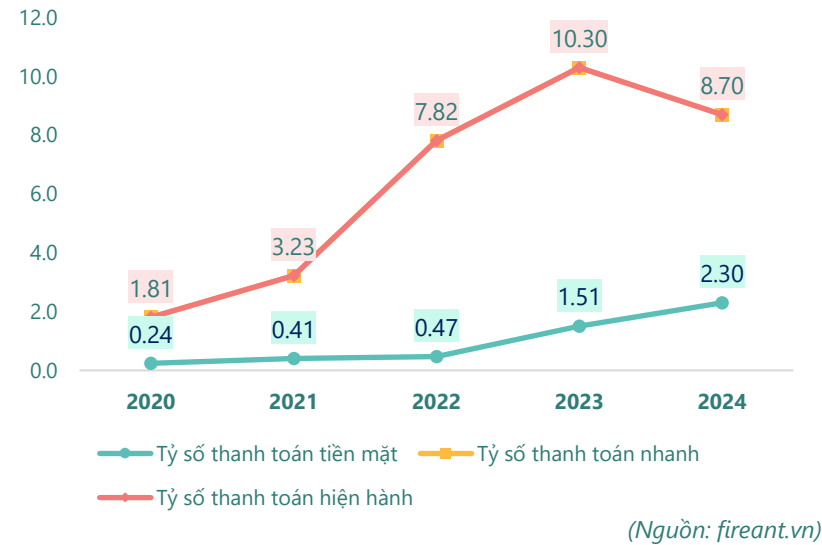


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

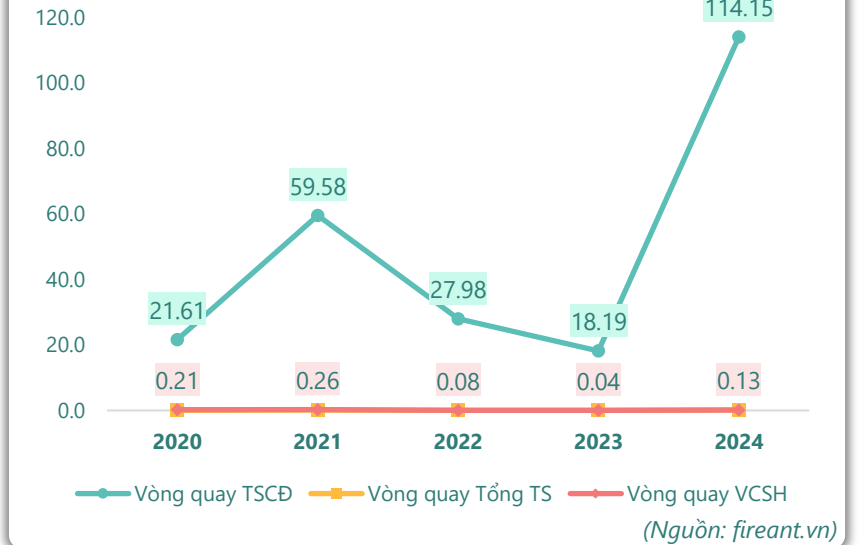
Nợ vay/VCSH



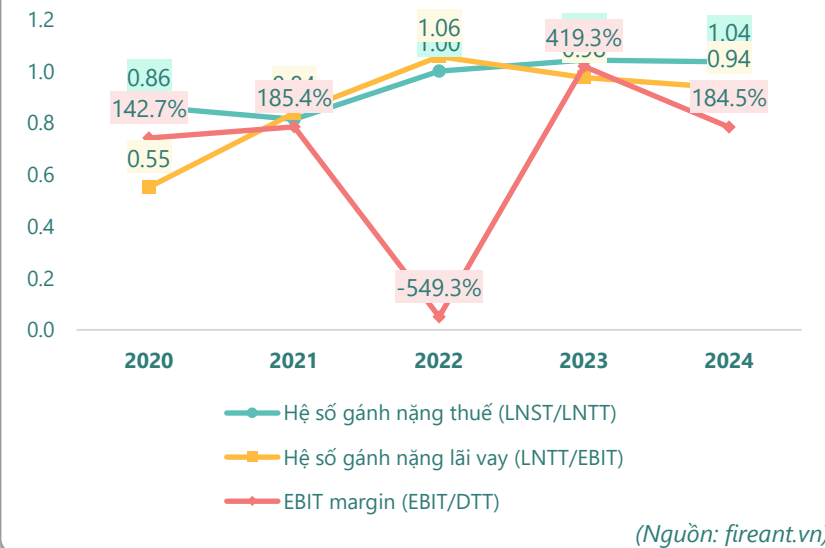
Chỉ số thanh khoản



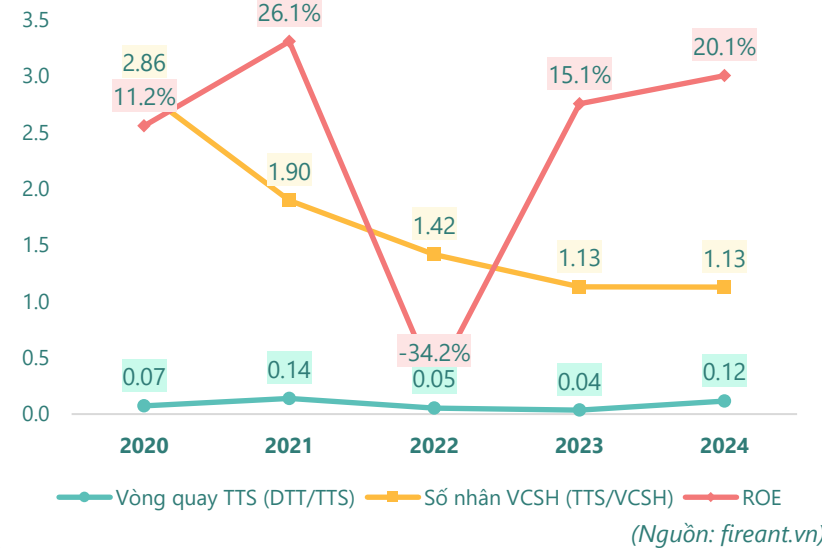
Vòng quay tài sản



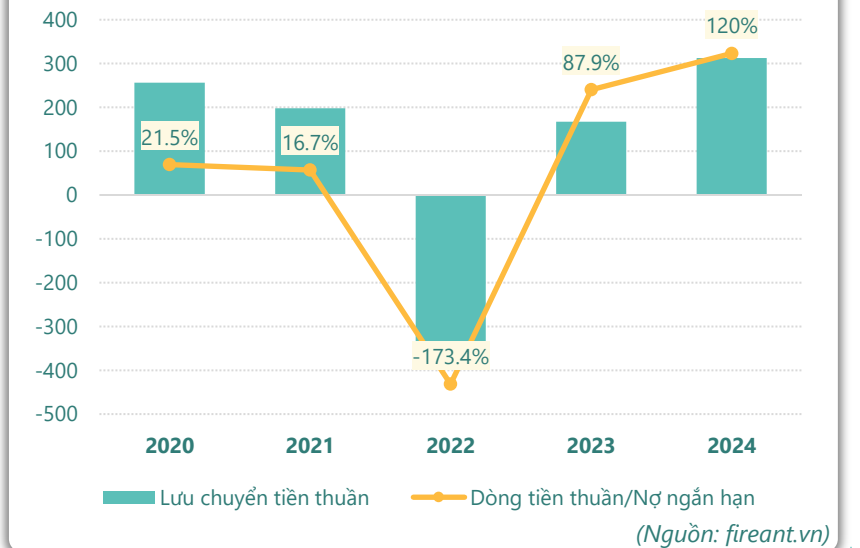
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	21.1	47.4	-55.5%	72.5	223	-67.4%
Giá vốn hàng bán	4.89	4.27	14.6%	42.2	52.6	-19.7%
Lợi nhuận gộp	16.2	43.1	-62.4%	30.3	170	-82.2%
Doanh thu HĐTC	26.1	131	-80.1%	101	293	-65.7%
Chi phí TC	118	33.2	256%	158	-1.92	8310%
Chi phí lãi vay	3.58	8.88	-59.6%	15.2	23.2	-34.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.11	0.00		0.20	11.8	-98.3%
Chi phí QLDN	-88.0	11.0	-900%	-64.2	32.1	-300%
LN thuần từ HĐKD	12.1	130	-90.7%	37.1	422	-91.2%
Lợi nhuận khác	-0.26	1.59	-116%	-1.00	1.57	-164%
LN trước thuế	11.8	131	-91.0%	36.1	423	-91.5%
Lợi nhuận sau thuế	11.8	125	-90.5%	48.7	411	-88.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0.17	115	-99.8%	30.9	346	-91.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	623	-620	414	-754	1,796	-1,941
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.7	-102	-221	0	4.29	2.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-291	281	-118	355	-545	572
Tiền đầu kỳ	743	1,010	569	599	199	1,454
Lưu chuyển tiền thuần	283	-441	75.3	-400	1,255	-1,367
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.2	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,010	569	644	199	1,454	87.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,700	2,281	18.3%
Tài sản ngắn hạn	2,682	2,264	18.5%
Tiền và tương đương tiền	87.4	599	-85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,798	1,166	54.3%
Phải thu ngắn hạn	789	491	60.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.13	9.42	-13.7%
Tài sản dài hạn	17.3	17.0	1.7%
Phải thu dài hạn	14.6	15.0	-3.0%
Tài sản cố định	2.54	1.66	53.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.17	0.31	-45.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	727	273	166%
Nợ ngắn hạn	727	260	179%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	544	163	233%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.14	18.7	-99.3%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,972	2,008	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	1,972	2,008	-1.8%
Vốn điều lệ	1,106	1,186	-6.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

